

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 377/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 17 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021 của tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại 1693/STC-QLNS ngày 07 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh Đồng Tháp (theo các Biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh và thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan của các đoàn thể ở tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, KT-HSĩ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Thiện Nghĩa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /7/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.140.900	4.485.329	55,10	102,13
I	Thu cân đối NSNN	8.140.900	4.485.329	55,10	102,13
1	Thu nội địa	8.035.900	4.395.640	54,70	101,36%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	105.000	89.690	85,42	78,67%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	14.124.109	6.071.849	42,99	89,52
I	Chi cân đối NSDP	12.692.115	5.374.011	42,34	83,81
1	Chi đầu tư phát triển	3.381.485	1.651.088	48,83	67,22
2	Chi thường xuyên	8.465.821	3.678.172	43,45	94
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.100	296		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	100,00	100
5	Dự phòng ngân sách	233.960	0	0,00	0
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	606.749	0		0,00
7	Chi trả nợ gốc vốn vay KCHKM, CTDC		42.456		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.370.794	151.720	11,07	84
III	Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại	61.200			
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				
E	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU		546.118		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /7/2021

của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	8.140.900	4.485.329	55,10%	102,13%
I	Thu nội địa	8.035.900	4.395.640	54,70%	101,36%
	<i>Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất, XSKT)</i>	<i>5.785.900</i>	<i>2.773.911</i>	<i>47,94%</i>	<i>98,89%</i>
1	Thu từ DNNN	745.000	303.919	40,79%	90,76%
2	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	70.000	34.936	49,91%	105,39%
3	Thu từ khu vực kinh tế - NQD	1.315.000	587.865	44,70%	86,16%
4	Thuế thu nhập cá nhân	465.000	305.013	65,59%	112,81%
5	Thu phí xăng, dầu, thuế bảo vệ môi trường	2.270.000	842.096	37,10%	78,23%
6	Lệ phí trước bạ	280.000	161.627	57,72%	126,48%
7	Thu phí, lệ phí	192.900	106.231	55,07%	115,67%
8	Các khoản thu về nhà, đất	834.000	923.657	110,75%	219,54%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	24		3,82%
-	Thuế nhà đất /thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	4.307	53,84%	123,60%
-	Thu tiền sử dụng đất	750.000	717.544	95,67%	187,64%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	76.000	201.698	265,39%	590,66%
-	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN	0	84		133,33%
9	Thu tiền CQ khai thác khoáng sản	11.000	3.851	35,01%	72,94%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	70.000	47.618	68,03%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.500.000	904.185	60,28%	78,67%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.000	1.665	55,49%	322,88%
13	Thu khác ngân sách	280.000	172.977	61,78%	120,06%
II	Thuế xuất nhập khẩu	105.000	89.690	85,42%	163,26%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	6.480.440	3.789.560	58,48%	105,00%
1	Từ các khoản thu phân chia	3.336.400	1.500.917	44,99%	89,66%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.144.040	2.288.643	72,79%	118,27%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /7/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện chi 6 tháng năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NSĐP	14.124.109	3.177.372	22,50	91,84
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	12.692.115	3.106.598	24,48	91,58
I	Chi đầu tư phát triển	3.381.485	1.353.992	40,04	74,25
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.381.485	1.352.894	40,01	77,71
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-		
3	Chi đầu tư phát triển khác		1.098		
II	Chi thường xuyên	8.465.821	1.735.930	20,51	96,70
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.653.191	699.178	19,14	98,56
2	Chi khoa học và công nghệ	31.000	1.535	4,95	53,79
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	770.000	191.076	24,82	91,40
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	77.733	13.889	17,87	72,33
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.574	3.293	9,00	118,02
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.237	5.074	14,82	55,11
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	143.470	7.420	5,17	54,34
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.604.001	158.337	9,87	99,48
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.351.525	375.458	27,78	89,41
10	Chi bảo đảm xã hội	427.859	125.327	29,29	108,89
11	Chi ANQP địa phương	271.557	146.720	54,03	118,06
12	Chi khác	64.674	8.623	13,33	81,96
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.100	73		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	-	-	-
V	Chi dự phòng ngân sách	233.960	-		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	606.749	-		
VII	Chi trả nợ gốc vốn vay KCHKM, CTDC		16.603		

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện chi 6 tháng năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.370.794	70.774	5,16	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.263.824	70.774	5,60	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	106.970	0	0,00	
C	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHO VAY VỀ CHO VAY LẠI	61.200			